

Số: 1254 /QĐ-HVKHXH

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành Triết học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-KHXH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3338/QĐ-KHXH ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3854/QĐ-KHXH ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc ban hành Cấu trúc, khối lượng kiến thức và khung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ vào Kết luận của Hội đồng khoa học và đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Khoa Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu ngành Triết học, mã số: 8229001 của Học viện Khoa học xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa cao học tuyển sinh từ đợt 2 năm 2021.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Triết học - Xã hội học - Chính trị học và các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện Khoa học xã hội và các học viên cao học có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Bộ GD&ĐT, Viện HL KHXH (để b/c)
- BGĐ (để chỉ đạo th/h)
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng



VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

Ngành: Triết học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-HVKHXH ngày 06 tháng 11 năm 2024
của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình đào tạo

- Tiếng Việt: *Thạc sĩ Triết học định hướng ứng dụng*
- Tiếng Anh: *Master of Philosophy - Application Orientation*

2. Mã ngành đào tạo: 8 22 09 01.2

3. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

4. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn: 2 năm

5. Số tín chỉ yêu cầu: 60 tín chỉ

6. Hình thức đào tạo: Chính quy không tập trung

7. Phương thức đào tạo: Tín chỉ

8. Tên văn bằng cấp

- Tiếng Việt: *Thạc sĩ Triết học định hướng ứng dụng*
- Tiếng Anh: *Master of Philosophy- Application Orientation*

9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

10. Đơn vị cấp bằng: Học viện Khoa học xã hội

11. Tên khoa thực hiện chương trình đào tạo: Khoa Triết học - Xã hội học - Chính trị học - Tôn giáo học

12. Chương trình đào tạo này áp dụng đối với các khóa học viên được công nhận trúng tuyển từ đợt 2 năm 2021.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành triết học ứng dụng giúp học viên hoàn thiện kiến thức nâng cao về triết học và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Triết học theo định hướng ứng dụng giúp học viên có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về triết học; có khả năng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực triết học; đặc biệt có nhận thức sâu sắc về thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới



và ở Việt Nam; có khả năng vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

- MTKT01: Vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, công cụ phân tích hữu ích để đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến việc nghiên cứu, giảng dạy các vấn đề triết học; vận dụng sáng tạo phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu, giảng dạy triết học và một số môn lý luận chính trị.

- MTKT02: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay để phát triển khả năng nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tiễn nói chung và các vấn đề liên quan đến phòng, chống tham nhũng nói riêng.

- MTKT03: Đối chiếu được kiến thức cơ bản về những vấn đề triết học phương Đông, triết học phương Tây và tư tưởng triết học Việt Nam từ lịch sử đến hiện đại.

- MTKT04: Kết nối kiến thức nâng cao về các chuyên ngành của Triết học, Lịch sử triết học, Triết học Mác - Lênin, Tư tưởng triết học Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu các đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

- MTKT05: Phát triển các kiến thức cơ bản về văn hoá, đạo đức, mỹ học, tôn giáo,.. vào thực tiễn công tác, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra.

1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- MTKN01: Có kỹ năng nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu những vấn đề triết học; có thể giảng dạy và thuyết trình các vấn đề của triết học;

- MTKN02: Có kỹ năng tham gia trình bày và thảo luận tại các tọa đàm, hội thảo khoa học và có công bố khoa học trong nước và quốc tế.

- MTKN03: Biết quản lý, điều hành, xây dựng các nhóm nghiên cứu; biết tham gia hướng dẫn khoa học cho sinh viên, học viên; tham gia tổ chức thực hiện và phản biện, đánh giá các chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

1.2.3. Mục tiêu về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- MTNL01: Cầu thị trong nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn;

- MTNL02. Thể hiện và áp dụng quan điểm phụng sự cộng đồng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;

- MTNL03. Phát triển năng lực phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn, có khả năng phát hiện và đề xuất những giải pháp sáng tạo và bền vững.

1.2.4. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể giảng dạy triết học và nghiên cứu các môn khoa học thuộc lĩnh vực triết học trong các trường Đại học và Cao đẳng, các Viện nghiên cứu và Trung tâm nghiên cứu về khoa học xã hội. Có thể làm công tác quản lý trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị và xã hội, các doanh nghiệp.

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ

Tiếp tục học tập ở bậc đào tạo tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước về các ngành, chuyên ngành phù hợp như: Triết học, Giáo dục công dân, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xây dựng Đảng...

2. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- CDRKT01: Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu, phương pháp luận biện chứng duy vật và các công cụ phân tích hữu ích để nghiên cứu, giảng dạy triết học và một số môn lý luận chính trị.

- CDRKT02: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay để phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn nói chung và các vấn đề liên quan đến phòng, chống tham nhũng nói riêng.

- CDRKT03: Xác định được các vấn đề về triết học nảy sinh trong đời sống xã hội; năng lực tổng kết và đánh giá thực tiễn dưới góc độ triết học.

- CDRKT04: Đối chiếu, so sánh được kiến thức cơ bản về những vấn đề triết học phương Đông, triết học phương Tây và tư tưởng triết học Việt Nam từ lịch sử đến hiện đại, để từ đó có những đề xuất các hướng nghiên cứu phù hợp đối với chuyên ngành.

- CDRKT05: Áp dụng các kiến thức nâng cao của các chuyên ngành của Triết học, Lịch sử triết học, Triết học Mác - Lênin, Tư tưởng triết học Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu các đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Chuẩn đầu ra Kỹ năng

- CDRKN01: Phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề mới, phức tạp trong lĩnh vực triết học phát sinh trong bối cảnh mới;

- CDRKN02: Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin hiệu quả, thuyết trình, đàm phán, lập luận, phản biện;

- CDRKN03: Phát hiện được những vướng mắc về chính sách công tại địa phương hoặc cơ quan công tác.

- CDRKN04: Sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CDRNL01: Chủ động thực hiện tốt chức trách của người học;

- CDRNL02: Hỗ trợ đồng nghiệp trong quá trình thực hiện các công việc liên quan đến học tập, nghiên cứu cũng như hoạt động thực tiễn;

- CDRNL03: Tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp với chuyên ngành đào tạo trong thực tiễn học tập và công tác.

III. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Ứng viên dự tuyển đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Triết học bao gồm công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và người nước ngoài có đủ điều kiện tham gia xét tuyển



theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Học viện. Xem chi tiết tại Thông báo tuyển sinh.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu tổng quan về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Triết học theo định hướng ứng dụng gồm các khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở và ngành, Báo cáo thực tập, Đề án tốt nghiệp. Trong đó:

- Kiến thức chung có 2 học phần (5 tín chỉ);
- Kiến thức cơ sở và ngành có 13 học phần (40 tín chỉ) (trong đó bắt buộc là 10 học phần (31 tín chỉ) + tự chọn 3 học phần (9 tín chỉ));
- Báo cáo thực tập: 6 tín chỉ
- Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ

2. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

Bảng 1. Khung chương trình đào tạo

TT	MSMH	Tên môn học	Số TC			TH	Môn học tiên quyết (*)	Hình thức đánh giá
			Tổng số TC	LT	ThH			
I		Khối kiến thức chung	05					
1	ThS-KTC02	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học xã hội	03	30	30	90		Thi tự luận/Thi vấn đáp
2	ThS-KTC03	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay	02	24	12	64		Thi tự luận/Thi vấn đáp
II		Khối kiến thức cơ sở và ngành	28					
A		Bắt buộc	22					
1	KTCSN01	Triết học phương Tây: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	03	30	30	90		Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiêu luận
2	KTCSN02	Triết học Ấn Độ: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60		Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiêu luận
3	KTCSN03	Triết học Trung Quốc: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60		Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiêu luận

4	KTCSN04	Triết học Việt Nam: Những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm tiêu biểu	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
5	KTCSN05	Triết học thế giới đương đại: Những trào lưu và chủ đề nổi bật	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
6	KTCSN06	Triết học C.Mác-Ph.Ăngghen và V.I.Lênin: các tác phẩm tiêu biểu	03	30	30	90	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
7	KTCSN07	Dân chủ: lý luận và thực tiễn	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
8	KTCSN08	Chủ nghĩa xã hội: lý luận và thực tiễn ở Việt Nam	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
9	KTCSN09	Đạo đức và lối sống của người Việt Nam: Các giá trị truyền thống và hiện đại	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
10	KTCSN10	Triết học tôn giáo	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
B Tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)							
11	KTCSN11	Xây dựng Đảng và những vấn đề mới về xây dựng Đảng ở Việt Nam hiện nay	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
12	KTCSN12	Các tổ chức xã hội	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
13	KTCSN13	Mỹ học	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận



14	KTCSN14	Đạo đức học môi trường	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
15	KTCSN15	Triết học văn hóa, con người	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
16	KTCSN16	Toàn cầu hóa: bản chất, cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	02	20	20	60	Thi tự luận/Thi vấn đáp/ Tiểu luận
III		Tốt nghiệp	27				
1		01 bài công bố khoa học đăng trên tạp chí in hoặc tạp chí điện tử thuộc ngành được đào tạo	12				
2		Luận văn thạc sĩ	15				

Ghi chú:

TC: tín chỉ của học phần

ThH: số giờ tín chỉ thực hành, thảo luận

LT: số giờ tín chỉ lý thuyết

TH: số giờ tín chỉ tự học

(*): Ghi số thứ tự của môn học tiên quyết/**học phần học trước**

(**): MSMH của Khối kiến thức cơ sở ngành và ngành là viết tắt của trình độ đào tạo, tên ngành, loại học phần và số thứ tự học phần.

Vi dụ: - ThSNC-THB01 là học phần **bắt buộc** thứ nhất trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu ngành triết học.

- ThSUD-THT01 là học phần **tự chọn** thứ nhất trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành triết học.

3. Đánh giá kết quả học tập

Phương pháp đánh giá quá trình học tập của học viên và đánh giá học phần được áp dụng theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Học viện Khoa học xã hội.

3.1. Đánh giá quá trình:

- Bài kiểm tra; dự án, thuyết trình; tiểu luận ...
- Đánh giá kết quả học tập chung;
- Đánh giá đề án;
- Đánh giá công bố khoa học và kết quả thực tập

3.2. Đánh giá học phần:

Dự án cá nhân; tiểu luận học phần; thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, trắc nghiệm máy ...; thực tập học phần ...



[Handwritten signature]